

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Đầu năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	* Cân nặng đầu năm: + Trẻ PTBT về cân nặng: 70/70 đạt 100%. + Trẻ SDD thể nhẹ cân: 0 * Chiều cao đầu năm: + Trẻ PTBT về chiều cao: 70/70 đạt 100% + Trẻ thấp còi: 0 chiếm	* Cân nặng đầu năm: + Trẻ PTBT về cân nặng: 314/314 100%. + Trẻ SDD vừa: 3/314 chiếm 0,95% * Chiều cao đầu năm: + Trẻ PTBT về chiều cao: 311/314 đạt 99,04% + Trẻ thấp còi: 3/314 chiếm 0,95% * Cân nặng/ chiều cao: 263/314 = đạt 83,75%; - Thừa cân: 3/314 chiếm 0,95% - Béo phì: 0 * BMI: 112/115 = 97,39% - Thừa cân: 03/115 chiếm 2,60% - Béo phì: 0/104 chiếm
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Đảm bảo thực hiện có chất lượng chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 - Thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà trường	- Đảm bảo thực hiện có chất lượng chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 - Thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà trường
III	Kết quả đánh giá sự phát triển	- Đa số trẻ thực hiện được các mục	- Đa số trẻ thực hiện được các mục

	của trẻ	tiêu trong chủ đề, nội dung, kiến thức, kỹ năng của chủ đề - Trẻ biết tên trường, tên lớp, tên cô giáo, biết công việc, tình cảm của các cô giáo, gọi tên đồ chơi ở lớp... - Trẻ ngoan ngoan, lễ phép với cô giáo, ông bà, bố mẹ, đoàn kết với bạn bè - Trẻ thích nghi với các hoạt động vui chơi và học tập tại trường. Hứng thú tham gia các hoạt động tập thể cùng cô giáo và các bạn	tiêu trong chủ đề, nội dung, kiến thức, kỹ năng của chủ đề - Trẻ biết tên trường, tên lớp, tên cô giáo, biết công việc, tình cảm của các cô giáo, gọi tên đồ chơi ở lớp... - Trẻ biết được địa điểm nơi trường đóng. phân loại một số đồ dùng đồ chơi của lớp theo công dụng, chất liệu; nhận biết được một số hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, nhận biết các chữ số - Trẻ ngoan ngoan, lễ phép với cô giáo, ông bà, bố mẹ, đoàn kết với bạn bè - Trẻ thích nghi với các hoạt động vui chơi và học tập tại trường. Hứng thú tham gia các hoạt động tập thể cùng cô giáo và các bạn.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc và giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ. Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi và các giá góc trong lớp. 100% đồ dùng nuôi dưỡng, vệ sinh chăm sóc là inôc.(Theo Thông tư 02.....) - Cam kết với các mối hàng thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học. - Tổ chức cho 100% trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ như: Tết Trung thu, ngày hội đến trường của bé, Tết thiếu nhi 1/6..., cho trẻ được tham quan, dã ngoại	

Thanh trường, ngày..... thángnăm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai

PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN THANH TRƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, đầu năm học 2020 - 2021

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
				3 - 4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
			25 - 36 tháng			
I	Tổng số trẻ em	384	70	125	74	115
1	Số trẻ em nhóm ghép	384	70	125	74	115
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	384	70	125	74	115
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	384	70	125	74	115
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	01	0	01	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	384	70	125	74	115
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	384	70	125	74	115
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	384	70	125	74	115
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	384	70	125	74	115
1	Số trẻ cân nặng bình thường	384	70	125	74	112
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	03	0	0	0	03
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	384	70	125	74	109
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	03	0	0	0	03
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	3
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	353	70	110	80	117
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	353	70	110	80	117
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	353	70	110	80	117

Thanh Trường, ngày 15 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai



PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN THANH TRƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Đầu năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	01	-
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	04	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6.969.7	6,0
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1147	3,7
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.219	1,0
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	630	1,78
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	180	0,5
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	235	0,66
5	Diện tích phòng GD thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng GD nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	50	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	164	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	360	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định	360	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với qui định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15	5 bộ/ sân
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10 máy vi tính, 14 máy chiếu, 1 máy ảnh, 140 bàn, 400 ghế	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1			

		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	180	0	180	0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	0	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử(website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
...			

Thanh Trường, ngày 15 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG


Đỗ Thị Mai

PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN THANH TRƯỜNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, đầu năm học 2020 - 2021**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	XS	K	TB	Kém
	Tổng số CBQL, GV, NV	36	0	0	18	8	02	4	02	14	16	10	16		
I	Giáo viên	26	0	0	18	8	0	0	02	14	16	10	06		
1	Nhà Trẻ	6	0	0	04	02	0	0	01	02	03	0	06		
2	Mẫu giáo	20	0	0	14	06	0	0	01	12	07	10	10		
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	0	03	0	03		
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	01	0	0		
2	Phó Hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	0	02	0	02		
III	Nhân viên	6	0	0	2	0	0	04	0	0	02	0	1		
1	Nhân viên phục vụ	1	0	0	1	0	0	0	0	0	01	0	0		
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	01		
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5	Nhân viên nấu ăn	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0		
6	Bảo vệ	01	0	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0		

Thanh Trường, ngày 15 tháng 09 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Đầu năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	* Cân nặng đầu năm: + Trẻ PTBT về cân nặng: 70/70 đạt 100%. + Trẻ SDD thể nhẹ cân: 0 * Chiều cao đầu năm: + Trẻ PTBT về chiều cao: 70/70 đạt 100% + Trẻ thấp còi: 0 chiếm	* Cân nặng đầu năm: + Trẻ PTBT về cân nặng: 314/314 100%. + Trẻ SDD vừa: 3/314 chiếm 0,95% * Chiều cao đầu năm: + Trẻ PTBT về chiều cao: 311/314 đạt 99,04% + Trẻ thấp còi: 3/314 chiếm 0,95% * Cân nặng/ chiều cao: 263/314 = đạt 83,75%; - Thừa cân: 3/314 chiếm 0,95% - Béo phì: 0 * BMI: 112/115 = 97,39% - Thừa cân: 03/115 chiếm 2,60% - Béo phì: 0/104 chiếm
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Đảm bảo thực hiện có chất lượng chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 - Thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà trường	- Đảm bảo thực hiện có chất lượng chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 - Thực hiện theo kế hoạch phát triển nhà trường
III	Kết quả đánh giá sự phát triển	- Đa số trẻ thực hiện được các mục	- Đa số trẻ thực hiện được các mục

	của trẻ	tiêu trong chủ đề, nội dung, kiến thức, kỹ năng của chủ đề - Trẻ biết tên trường, tên lớp, tên cô giáo, biết công việc, tình cảm của các cô giáo, gọi tên đồ chơi ở lớp... - Trẻ ngoan ngoan, lễ phép với cô giáo, ông bà, bố mẹ, đoàn kết với bạn bè - Trẻ thích nghi với các hoạt động vui chơi và học tập tại trường. Hứng thú tham gia các hoạt động tập thể cùng cô giáo và các bạn	tiêu trong chủ đề, nội dung, kiến thức, kỹ năng của chủ đề - Trẻ biết tên trường, tên lớp, tên cô giáo, biết công việc, tình cảm của các cô giáo, gọi tên đồ chơi ở lớp... - Trẻ biết được địa điểm nơi trường đóng. phân loại một số đồ dùng đồ chơi của lớp theo công dụng, chất liệu; nhận biết được một số hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, nhận biết các chữ số - Trẻ ngoan ngoan, lễ phép với cô giáo, ông bà, bố mẹ, đoàn kết với bạn bè - Trẻ thích nghi với các hoạt động vui chơi và học tập tại trường. Hứng thú tham gia các hoạt động tập thể cùng cô giáo và các bạn.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc và giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ. Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi và các giá góc trong lớp. 100% đồ dùng nuôi dưỡng, vệ sinh chăm sóc là inôc.(Theo Thông tư 02.....) - Cam kết với các môi hàng thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học. - Tổ chức cho 100% trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ như: Tết Trung thu, ngày hội đến trường của bé, Tết thiếu nhi 1/6..., cho trẻ được tham quan, dã ngoại	

Thanh trường, ngày.15. tháng ..9..năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai

PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN THANH TRƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, đầu năm học 2020 - 2021

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			25 - 36 tháng	3 - 4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	384	70	125	74	115
1	Số trẻ em nhóm ghép	384	70	125	74	115
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	384	70	125	74	115
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	384	70	125	74	115
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	01	0	01	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	384	70	125	74	115
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	384	70	125	74	115
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	384	70	125	74	115
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	384	70	125	74	115
1	Số trẻ cân nặng bình thường	384	70	125	74	112
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	03	0	0	0	03
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	384	70	125	74	109
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	03	0	0	0	03
5	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	3
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	353	70	110	80	117
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	353	70	110	80	117
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	353	70	110	80	117

Thanh Trường, ngày 15 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai

PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN THANH TRƯỜNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Đầu năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	01	-
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	04	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6.969.7	6,0
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1147	3,7
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.219	1,0
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	630	1,78
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	180	0,5
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	235	0,66
5	Diện tích phòng GD thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng GD nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	50	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	164	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	360	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định	360	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với qui định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15	5 bộ/ sân
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10 máy vi tính, 14 máy chiếu, 1 máy ảnh, 140 bàn, 400 ghế	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1			

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	180	0	180	0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	0	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử(website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
...			

Thanh Trường, ngày 15 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Chi Mai

PHÒNG GD&ĐT TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MN THANH TRƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, đầu năm học 2020 - 2021

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	XS	K	TB	Kém
	Tổng số CBQL, GV, NV	36	0	0	18	8	02	4	02	14	16	10	16		
I	Giáo viên	26	0	0	18	8	0	0	02	14	16	10	06		
1	Nhà Trẻ	6	0	0	04	02	0	0	01	02	03	0	06		
2	Mẫu giáo	20	0	0	14	06	0	0	01	12	07	10	10		
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	0	03	0	03		
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	01	0	0		
2	Phó Hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	0	02	0	02		
III	Nhân viên	6	0	0	2	0	0	04	0	0	02	0	1		
1	Nhân viên phục vụ	1	0	0	1	0	0	0	0	0	01	0	0		
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	01		
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5	Nhân viên nấu ăn	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0		
6	Bảo vệ	01	0	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0		

Thanh Trường, ngày 15 tháng 09 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai

